

Số: 223-KH/TU

Yên Bái, ngày 27 tháng 3 năm 2025

KẾ HOẠCH

Thực hiện Kết luận số 115-KL/TW của Bộ Chính trị về tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 39-NQ/TW ngày 15/01/2019 của Bộ Chính trị khóa XII về nâng cao hiệu quả quản lý, khai thác, sử dụng và phát huy các nguồn lực của nền kinh tế

Thực hiện Kết luận số 115-KL/TW ngày 16/01/2025 của Bộ Chính trị về tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 39-NQ/TW ngày 15/01/2019 của Bộ Chính trị khóa XII về nâng cao hiệu quả quản lý, khai thác, sử dụng và phát huy các nguồn lực của nền kinh tế (Kết luận số 115-KL/TW), Ban Thường vụ Tỉnh ủy ban hành Kế hoạch thực hiện kết luận với những nội dung cụ thể sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU, MỤC TIÊU

1. Mục đích

- Quán triệt, triển khai thực hiện nghiêm túc, có hiệu quả Kết luận số 115-KL/TW, Nghị quyết số 39-NQ/TW của Bộ Chính trị khóa XII về nâng cao hiệu quả quản lý, khai thác, sử dụng và phát huy các nguồn lực của nền kinh tế; nâng cao nhận thức và ý thức trách nhiệm của cấp ủy, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội, cộng đồng doanh nghiệp, cán bộ, đảng viên và Nhân dân trên địa bàn tỉnh về vị trí, vai trò, tầm quan trọng và ý nghĩa của việc quản lý, khai thác, sử dụng và phát huy các nguồn lực của nền kinh tế đất nước và của tỉnh trong giai đoạn mới.

- Tập trung sự lãnh đạo, chỉ đạo cao độ của cấp ủy, chính quyền các cấp; phát huy vai trò và sự tham gia tích cực của các tổ chức trong hệ thống chính trị, cộng đồng doanh nghiệp và nhân dân đối với nhiệm vụ quản lý, khai thác, sử dụng và phát huy các nguồn lực của nền kinh tế, coi đây là nhiệm vụ quan trọng, là yêu cầu cấp bách trong tình hình hiện nay, là trách nhiệm của cả hệ thống chính trị và nhân dân các dân tộc trong tỉnh.

2. Yêu cầu

- Việc cụ thể hóa các mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp của Kết luận số 115-

KL/TW, Nghị quyết số 39-NQ/TW phải đảm bảo phù hợp, thiết thực, khả thi và hiệu quả trong điều kiện thực tiễn của địa phương; coi việc quản lý, khai thác, sử dụng và phát huy các nguồn lực của nền kinh tế là cơ sở thúc đẩy tăng trưởng, phát triển bứt phá, hoàn thành các mục tiêu, chỉ tiêu giai đoạn 2021-2025 và định hướng giai đoạn 2026-2030.

- Cần xác định rõ nội dung các công việc cần làm, phân công nhiệm vụ cụ thể cho cấp ủy, tổ chức đảng, cơ quan, đơn vị, địa phương đảm bảo đồng bộ từ tỉnh đến cơ sở gắn với việc tiếp tục quán triệt, tổ chức thực hiện các chỉ thị, kết luận, quy định của Đảng có liên quan; có sự phối hợp chặt chẽ giữa các cấp, các ngành; thường xuyên đôn đốc, kiểm tra, giám sát việc thực hiện; tổ chức sơ kết, tổng kết, đánh giá rút kinh nghiệm trong quá trình thực hiện.

3. Mục tiêu

Nâng cao hiệu quả quản lý, khai thác, huy động, phân bổ, sử dụng các nguồn lực của nền kinh tế nhằm thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh nhanh, bền vững theo hướng xanh, hài hòa, bản sắc và hạnh phúc; phát huy giá trị bản sắc văn hóa các dân tộc; bảo vệ môi trường sinh thái, sử dụng hiệu quả tài nguyên thiên nhiên, chủ động ứng phó, thích ứng với biến đổi khí hậu; tăng cường quốc phòng an ninh, ổn định chính trị, bảo đảm trật tự an toàn xã hội. Phấn đấu đến năm 2030 đưa Yên Bái nằm trong nhóm 5 tỉnh phát triển hàng đầu của vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ.

II. CÁC CHỈ TIÊU CỤ THỂ

1. Đối với nguồn nhân lực

- Đến năm 2030: Tỷ lệ lao động qua đào tạo đạt 75%, trong đó: Tỷ lệ lao động qua đào tạo có bằng cấp, chứng chỉ đạt 45%; Tỷ lệ chuyển dịch cơ cấu lao động từ nông nghiệp sang phi nông nghiệp giai đoạn 2026-2030 đạt bình quân 1,5%/năm. Đổi mới, nâng cao chất lượng, hiệu quả hệ thống cơ sở đào tạo nghề, đồng bộ với việc đổi mới toàn diện hệ thống giáo dục và đào tạo, gắn với sự phát triển của khoa học công nghệ, ứng dụng công nghệ số, sử dụng trí tuệ nhân tạo; ưu tiên đầu tư đào tạo, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực nông thôn, đội ngũ nhân lực kỹ thuật, quản lý, quản trị doanh nghiệp; chú trọng đào tạo lại ngành nghề, đáp ứng với yêu cầu công việc, tạo việc làm phù hợp cho người lao động; khuyến khích các doanh nghiệp ưu tiên sử dụng lao động địa phương.

- Đến năm 2035: Tỷ lệ lao động làm việc trong lĩnh vực nông, lâm nghiệp, thủy sản tối đa 36% tổng số lao động tham gia hoạt động kinh tế của

tỉnh. Cơ cấu lao động làm việc trong các lĩnh vực: Nông, lâm nghiệp, thủy sản 36%; công nghiệp - xây dựng 30%; thương mại, dịch vụ 34%, tỷ lệ lao động qua đào tạo đạt trên 85%. Phát triển năng lực đổi mới, sáng tạo, có đội ngũ nhân lực khoa học, công nghệ, chuyên gia đầu ngành trong lĩnh vực y tế, đưa Yên Bái trở thành trung tâm dịch vụ y tế chất lượng cao của vùng miền núi phía Bắc.

- Đến năm 2045: Tỷ lệ lao động làm việc trong lĩnh vực nông, lâm nghiệp, thủy sản dưới 25% tổng số lao động tham gia hoạt động kinh tế của tỉnh. Cơ cấu lao động làm việc trong các lĩnh vực: Nông lâm nghiệp, thủy sản 20%; công nghiệp - xây dựng 37%; thương mại, dịch vụ 43%, tỷ lệ lao động qua đào tạo đạt trên 95%. Hình thành nguồn nhân lực có trình độ cao với quy mô và cơ cấu hợp lý, đáp ứng yêu cầu tự do di chuyển lao động trong khu vực ASEAN và quốc tế, có khả năng tiếp thu và làm chủ những tiến bộ khoa học kỹ thuật của thế giới.

2. Đối với nguồn vật lực

- Đến năm 2030: Quản lý khai thác, chế biến, sử dụng tiết kiệm, hiệu quả tài nguyên, khoáng sản. Xây dựng mới mạng lưới các trạm quan trắc môi trường trên địa bàn tỉnh. Đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật về bảo vệ môi trường, bao gồm xử lý nước thải sinh hoạt đô thị và chất thải rắn sinh hoạt; kiểm soát chặt chẽ, không để phát sinh các điểm nóng về môi trường.

Bảo đảm hệ thống cơ sở hạ tầng tương đối đồng bộ. Hoàn thành thêm các công trình trọng điểm, công trình cấp bách của tỉnh, của các địa phương; hoàn thành kiên cố hóa toàn bộ hệ thống đường giao thông nông thôn trên địa bàn toàn tỉnh.

- Đến năm 2035: Phát triển thị trường quyền sử dụng đất, bảo đảm khoảng 90% diện tích đất tự nhiên được đưa vào khai thác, sử dụng có hiệu quả. Kiểm soát tình hình ô nhiễm nguồn nước, phục hồi 25% diện tích hệ sinh thái tự nhiên bị suy thoái; xây dựng mới mạng lưới các trạm quan trắc môi trường tự động. Hoàn thành việc xây dựng đồng bộ cơ sở dữ liệu ngành tài nguyên, môi trường và hệ thống thông tin giám sát tài nguyên chung. Đầu tư xây dựng đồng bộ các công trình hạ tầng kỹ thuật về bảo vệ môi trường phục vụ phát triển kinh tế - xã hội một cách bền vững.

Bảo đảm hệ thống cơ sở hạ tầng kinh tế - xã hội đồng bộ, từng bước hiện đại, kết nối thuận tiện, nhanh chóng đến các địa phương trong và ngoài tỉnh.

- Đến năm 2045: Chủ động ngăn ngừa, hạn chế tình trạng suy thoái tài nguyên, ô nhiễm môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu. Bảo tồn và sử dụng bền vững tài nguyên thiên nhiên.

Hoàn thiện cơ sở kết cấu hạ tầng đồng bộ, hiện đại, kết nối thông suốt đến các địa phương trong và ngoài tỉnh.

3. Đối với nguồn tài lực

- Đến năm 2030: Phần đầu tốc độ tăng tổng sản phẩm trên địa bàn (GRDP) đạt bình quân 10,5%/năm, thu ngân sách nhà nước trên địa bàn tăng bình quân trên 15%/năm.

- Đến năm 2035: Phần đầu tốc độ tăng tổng sản phẩm trên địa bàn (GRDP) bình quân trên 8%-9%/năm; thu ngân sách nhà nước trên địa bàn tăng bình quân trên 10%/năm.

- Đến năm 2045: Phần đầu tốc độ tăng tổng sản phẩm trên địa bàn (GRDP) bình quân trên 8%-9%/năm; thu ngân sách nhà nước trên địa bàn tăng bình quân trên 10%/năm.

III. NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP CHỦ YẾU

1. Các nhiệm vụ cần làm ngay

1.1. Ban hành Kế hoạch của Ban Thường vụ Tỉnh ủy triển khai thực hiện Kết luận số 115-KL/TW của Bộ Chính trị

(1) Đảng ủy Ủy ban nhân dân tỉnh tham mưu xây dựng Kế hoạch của Ban Thường vụ Tỉnh ủy triển khai thực hiện Kết luận số 115-KL/TW của Bộ Chính trị, ban hành **trong tháng 3/2025** (thay thế Kế hoạch hành động số 179-KH/TU ngày 02/3/2020 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy).

(2) Các huyện, thị, thành ủy, đảng ủy trực thuộc quán triệt, xây dựng, ban hành kế hoạch thực hiện Kết luận số 115-KL/TW của Bộ Chính trị và Kế hoạch của Ban Thường vụ Tỉnh ủy bảo đảm thống nhất, đồng bộ, đúng mục tiêu, yêu cầu đề ra; hoàn thành **trong tháng 4/2025**.

1.2. Tổ chức phổ biến, quán triệt, tuyên truyền thực hiện Kết luận số 115-KL/TW của Bộ Chính trị và Kế hoạch của Ban Thường vụ Tỉnh ủy

(1) Hướng dẫn việc học tập, quán triệt, tuyên truyền Kết luận số 115-KL/TW của Bộ Chính trị và Kế hoạch này của Ban Thường vụ Tỉnh ủy đến cán bộ, đảng viên và nhân dân.

Định hướng các cơ quan báo chí xây dựng chuyên trang, chuyên mục đầy mạnh thông tin, tuyên truyền về nâng cao hiệu quả quản lý, khai thác, sử dụng và phát huy các nguồn lực của nền kinh tế.

Trách nhiệm chỉ đạo: Ban Tuyên giáo và Dân vận Tỉnh ủy.

Thời gian thực hiện: Hoàn thành xong **trong tháng 4/2025**.

(2) Các huyện, thị, thành ủy, đảng ủy trực thuộc chỉ đạo tổ chức phổ biến, quán triệt nội dung Kết luận số 115-KL/TW và Kế hoạch này của Ban Thường vụ Tỉnh ủy bằng hình thức phù hợp

Thời gian thực hiện: Hoàn thành xong **trong tháng 4/2025**.

2. Nhiệm vụ cụ thể hoàn thành trong năm 2025

(1) Ban hành Kế hoạch của Ủy ban nhân dân tỉnh triển khai thực hiện Kết luận số 115-KL/TW của Bộ Chính trị gắn với thực hiện Kế hoạch này của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về triển khai thực hiện Nghị quyết số 39-NQ/TW ngày 15/01/2019 của Bộ Chính trị khóa XII về nâng cao hiệu quả quản lý, khai thác, sử dụng và phát huy các nguồn lực của nền kinh tế (*thay thế Kế hoạch số 139/KH-UBND ngày 03/7/2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh*).

Trách nhiệm thực hiện: Đảng ủy Ủy ban nhân dân tỉnh.

Thời gian thực hiện: Hoàn thành xong **trong tháng 4/2025**.

(2) Xây dựng và chỉ đạo tổ chức thực hiện: (i) Bộ tiêu chí đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ chuyển đổi số của các cơ quan cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã và (ii) Kế hoạch nâng cao chất lượng, hiệu quả dịch vụ công trực tuyến; (iii) Kế hoạch phát triển hạ tầng phục vụ chuyển đổi số tỉnh Yên Bái năm 2025; (iv) Đề án Chuyển đổi số tỉnh Yên Bái giai đoạn 2026 - 2030; (v) Cổng dữ liệu mở và kho dữ liệu dùng chung của tỉnh Yên Bái; hệ thống thông tin báo cáo cấp tỉnh kết nối với hệ thống thông tin báo cáo của Chính phủ; đầu tư, nâng cấp trang thiết bị CNTT phục vụ khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số trên địa bàn tỉnh; (vi) Hoàn thành dự án Ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của các cơ quan Đảng tỉnh Yên Bái giai đoạn 2021-2025.

Trách nhiệm thực hiện: Đảng ủy Ủy ban nhân dân tỉnh.

Thời gian thực hiện: Hoàn thành trong năm 2025 **theo các mốc thời gian** cụ thể tại Kế hoạch số 219-KH/TU ngày 17/02/2025 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy triển khai thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia.

(3) Xây dựng Báo cáo rà soát, đánh giá thực trạng các nguồn lực của nền kinh tế; đề xuất phương án khai thác, sử dụng, quản lý hiệu quả các nguồn lực.

Trách nhiệm thực hiện: Đảng ủy Ủy ban nhân dân tỉnh.

Thời gian thực hiện: Hoàn thành xong **trong tháng 4/2025**.

(4) Tổ chức Hội nghị chuyên đề tháo gỡ những khó khăn, vướng mắc đối với các dự án được cấp quyết định chủ trương trên địa bàn tỉnh.

Trách nhiệm thực hiện: Đảng ủy Ủy ban nhân dân tỉnh.

Thời gian thực hiện: Hoàn thành xong **trong tháng 5/2025**.

(5) Báo cáo tiến độ thực hiện một số dự án trọng điểm của tỉnh, gồm: Trụ sở Tỉnh ủy và các ban Đảng, Trung tâm Hội nghị tỉnh, Cải tạo Trụ sở Ủy ban nhân dân tỉnh, Đường dây 500kV Lào Cai -Vĩnh Yên (Đoạn qua địa phận tỉnh Yên Bái),...

Trách nhiệm thực hiện: Đảng ủy Ủy ban nhân dân tỉnh.

Thời gian thực hiện: Hoàn thành xong **trong tháng 5/2025**.

(6) Báo cáo tình hình thực hiện Kế hoạch triển khai Quy hoạch điện VIII đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định 262/QĐ-TTg ngày 01/4/2024.

Trách nhiệm thực hiện: Đảng ủy Ủy ban nhân dân tỉnh.

Thời gian thực hiện: Hoàn thành xong **trong tháng 6/2025**.

(7) Báo cáo đánh giá tình hình triển khai thực hiện các dự án đầu tư trong các khu công nghiệp tỉnh Yên Bái.

Trách nhiệm thực hiện: Ban Chỉ đạo rà soát, kiểm tra, đánh giá tình hình triển khai thực hiện các dự án đầu tư trong các khu công nghiệp tỉnh Yên Bái (thành lập theo Quyết định số 1250-QĐ/TU ngày 10/12/2024 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy)

Thời gian thực hiện: Hoàn thành xong **trong tháng 6/2025**.

3. Nhiệm vụ thường xuyên, liên tục

3.1. Tập trung hoàn thiện thể chế, cơ chế, chính sách quản lý và sử dụng các nguồn lực của nền kinh tế phù hợp với đường lối phát triển bền vững của đất nước và thể chế phát triển kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, đồng bộ tháo gỡ các điểm nghẽn và kiến tạo phát triển, huy động cao nhất mọi nguồn lực cho phát triển.

Tinh gọn, nâng cao hiệu năng, hiệu lực, hiệu quả của bộ máy quản lý; tăng cường phân cấp, phân quyền, gắn với kiểm tra, giám sát và trách nhiệm người đứng đầu trong quản lý và sử dụng các nguồn lực của nền kinh tế. Tiếp tục đổi mới công tác xây dựng, quản lý và tổ chức thực hiện quy hoạch, lấy quy hoạch làm công cụ chủ yếu để huy động và phân bổ nguồn lực hiệu quả theo các tín hiệu của thị trường.

Trách nhiệm thực hiện: Các huyện, thị, thành ủy, đảng ủy trực thuộc Tỉnh ủy; các ban, sở, ngành, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội tỉnh.

3.2. Khẩn trương thực hiện công tác kiểm kê, đánh giá, cập nhật đầy đủ, thực chất các nguồn lực của nền kinh tế; xây dựng cơ sở dữ liệu về các nguồn lực (bao gồm cả nguồn lực vật chất và phi vật chất, nguồn lực truyền thống và hiện đại). Liên thông, số hóa, tạo cơ sở tin cậy cho hoạch định chiến lược, chính sách quản lý nhằm sử dụng hiệu quả các nguồn lực. Giải quyết dứt điểm những khó khăn, vướng mắc, tồn đọng kéo dài trong lĩnh vực quy hoạch, đất đai, tài sản, gây thất thoát, lãng phí nguồn lực.

Trách nhiệm thực hiện: Đảng ủy Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo Sở Tài chính chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành, địa phương triển khai thực hiện.

3.3. Hiện đại hóa và nâng cao hiệu quả quản lý, sử dụng các nguồn lực truyền thống

(1) Đối với nguồn nhân lực

Tập trung thực hiện đột phá chiến lược về phát triển nguồn nhân lực, nhất là nguồn nhân lực chất lượng cao. Đẩy nhanh thực hiện đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, khoa học công nghệ theo Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia và Kế hoạch số 219-KH/TU ngày 17/02/2025 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy triển khai thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW; tiếp tục hoàn thiện hệ thống giáo dục quốc dân theo hướng mở, liên thông, công bằng, bình đẳng, thúc đẩy xã hội và chuyển đổi số trong giáo dục và đào tạo; phát triển các phương thức đào tạo mở, các nền tảng dạy và học trực tuyến mở.

Tiếp tục đổi mới chương trình, nội dung, phương pháp dạy - học ở tất cả các bậc học theo hướng mở, linh hoạt, liên thông, thông minh, hiện đại, bình đẳng, hạnh phúc, hướng tới phát triển con người toàn diện cả “Đức - Trí - Thể -

Mĩ”, có lòng yêu nước, ý chí tự lực, tự cường, khát vọng vươn lên xây dựng quê hương, đất nước. Tiếp tục sắp xếp quy mô, mạng lưới trường, lớp gắn với sắp xếp đơn vị hành chính bảo đảm yêu cầu nâng cao chất lượng, hiệu quả giáo dục, đào tạo; bảo đảm ngân sách để thực hiện hiệu quả các chủ trương phát triển giáo dục, đào tạo trong giai đoạn mới, ưu tiên nguồn lực đầu tư cho giáo dục chất lượng cao, giáo dục dân tộc, đẩy mạnh xã hội hóa giáo dục mầm non ở nơi có điều kiện; chăm lo xây dựng đội ngũ cán bộ quản lý và đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ nhà giáo “vừa hồng, vừa chuyên”; triển khai hiệu quả đề án đổi mới chương trình sách giáo khoa giáo dục phổ thông¹. Quan tâm chính sách đối với giáo viên vùng đồng bào dân tộc thiểu số, vùng đặc biệt khó khăn. Đẩy mạnh công tác khuyến học, khuyến tài, từng bước xây dựng xã hội học tập. Đổi mới và nâng cao hiệu quả hoạt động của các thiết chế giáo dục cơ sở; hỗ trợ các trung tâm học tập cộng đồng; tăng cường đào tạo từ xa, đào tạo trên nền tảng số; hỗ trợ người yếu thế có điều kiện để học tập suốt đời; đẩy mạnh phong trào “Bình dân học vụ số” trên địa bàn.

Tập trung nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, thực sự trở thành một trong những đột phá quan trọng, đáp ứng yêu cầu phát triển và hội nhập quốc tế². Đổi mới và nâng cao chất lượng hiệu quả hệ thống cơ sở đào tạo nghề đồng bộ với đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, gắn với sự phát triển của khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo, ứng dụng công nghệ số, trí tuệ nhân tạo; ưu tiên đầu tư cho đào tạo, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực nông thôn, đội ngũ nhân lực kỹ thuật, quản lý, quản trị doanh nghiệp; chú trọng đào tạo thường xuyên, đào tạo lại ngành nghề phù hợp đáp ứng với yêu cầu; gắn kết chặt chẽ giữa đào tạo với sử dụng và tạo việc làm cho lao động; khuyến khích, hỗ trợ doanh nghiệp đầu tư vào tỉnh ưu tiên sử dụng lao động địa phương theo hướng cộng sinh, cộng hưởng. Phối hợp với Đại học Thái Nguyên nghiên cứu kỹ lưỡng các điều kiện và nhu cầu thực tiễn để thành lập Trường đại học đa ngành của tỉnh. Ban hành và thực hiện hiệu quả chính sách thu hút, trọng dụng nguồn nhân lực chất lượng cao làm việc trong các ngành nghề trọng điểm, các lĩnh vực mới nổi (khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, du lịch, năng lượng, trí tuệ nhân tạo,...). Triển khai hiệu quả chính sách hỗ trợ đưa lao động đi làm việc ở nước ngoài³.

¹ Phân đầu đến năm 2030, 100% hệ thống phòng học được kiên cố hóa; trên 90% số trường mầm non và trường phổ thông đạt chuẩn quốc gia; nâng cao chất lượng phổ cập giáo dục các bậc học; tiếp tục tăng tỷ lệ học sinh dân tộc được học trường nội trú, bán trú với đầy đủ các điều kiện học tập thiết yếu; phát triển hệ thống hỗ trợ phát triển giáo dục hòa nhập, bảo đảm 100% trẻ khuyết tật có khả năng học tập được đến trường

² Phân đầu tỷ lệ lao động qua đào tạo đến năm 2030 đạt 75%, trong đó lao động có bằng cấp, chứng chỉ đạt 45%; chuyển dịch cơ cấu lao động từ nông nghiệp sang phi nông nghiệp đạt khoảng 1,5%/năm

³ Phân đầu giai đoạn 2026-2030, đưa khoảng 8.200 người đi làm việc, tham gia chương trình hợp tác đào tạo tại nước ngoài.

Trách nhiệm thực hiện: Đảng ủy Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo Sở Nội vụ chủ trì, phối hợp Sở Giáo dục và Đào tạo, Sở Y tế và các huyện, thị, thành ủy triển khai thực hiện.

(2) Đối với nguồn vật lực

- *Đối với nguồn lực tài nguyên thiên nhiên:* Nâng cao công tác quản lý nhà nước về hoạt động khai thác, sử dụng hiệu quả tài nguyên thiên nhiên và bảo vệ môi trường; tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý, xây dựng cơ sở dữ liệu về địa chất, khoáng sản. Đẩy mạnh thăm dò, kiểm kê và đánh giá toàn diện về trữ lượng, khả năng tái tạo của các nguồn tài nguyên thiên nhiên, nhất là các tài nguyên, khoáng sản quan trọng trên địa bàn tỉnh như than (các loại), khoáng sản kim loại (sắt, đồng, chì - kẽm, vàng, mangan, ...), khoáng sản không kim loại (khoáng chất công nghiệp và vật liệu xây dựng: kaolin, feldspat, thạch anh, grafit, talc, đá vôi trắng, đá làm vật liệu xây dựng, cát, sỏi...), khoáng sản quý hiếm (đá quý các loại) đến nước khoáng, nước nóng.

Tập trung rà soát, đánh giá, xử lý dứt điểm những khó khăn, vướng mắc của các dự án khai thác khoáng sản, có giá trị để sớm đưa vào hoạt động, khai thác, tạo nguồn lực phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh, tạo nền tảng thúc đẩy đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số.

Khẩn trương rà soát, đánh giá các quy hoạch phát triển năng lượng trên địa bàn tỉnh; khởi công và đưa vào vận hành các dự án điện lớn, quan trọng; tăng cường các biện pháp tiết kiệm năng lượng và quản lý nhu cầu điện. Tập trung thực hiện hiệu quả Kế hoạch triển khai Quy hoạch điện VIII đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định 262/QĐ-TTg ngày 01/4/2024 (*trong đó, tỉnh Yên Bái được phân bổ công suất các nguồn điện năng lượng tái tạo, gồm 200MW điện gió, 582MW thủy điện nhỏ, 108KW điện sinh khối, 26KW điện mặt trời và đầu tư xây dựng cải tạo một số trạm biến áp, đường dây tải điện*); đồng thời, tiếp tục rà soát nhu cầu thực tiễn, đề xuất, kiến nghị Thủ tướng Chính phủ điều chỉnh, bổ sung các dự án năng lượng phù hợp với yêu cầu phát triển của tỉnh trong tình hình mới.

Nâng cao chất lượng quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất đồng bộ, thống nhất với quy hoạch tỉnh; tạo bước chuyển biến tích cực trong quản lý thống nhất, khai thác hợp lý và sử dụng hiệu quả, tiết kiệm nguồn lực tài nguyên đất, nước,

khoáng sản⁴.... Nâng cao hiệu quả quản lý, sử dụng đất có nguồn gốc nông lâm trường quốc doanh. Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, giáo dục, nâng cao nhận thức, ý thức trách nhiệm về bảo vệ tài nguyên, môi trường, bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học, bảo đảm điều kiện sống an toàn, lành mạnh. Tiếp tục giải quyết hài hòa vấn đề môi trường trong phát triển kinh tế - xã hội⁵. Phối hợp thành lập 02 khu cảnh quan sinh thái quan trọng của vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ⁶; đồng thời quản lý, phát huy hiệu quả gắn với phát triển du lịch sinh thái. Thực hiện đồng bộ các giải pháp nâng cao khả năng phòng, chống và hạn chế tác động của thiên tai, nhất là lũ ống, lũ quét, sạt lở đất; tăng cường nguồn lực xã hội để mở rộng và hiện đại hóa hệ thống quan trắc, cảnh báo, dự báo thiên tai đa mục tiêu; chủ động chia sẻ thông tin, xây dựng cơ chế liên kết vùng trong ứng phó biến đổi khí hậu, quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường.

Trách nhiệm thực hiện: Đảng ủy Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo Sở Nông nghiệp và Môi trường chủ trì, phối hợp Sở Công Thương và các huyện, thị, thành ủy triển khai thực hiện.

- *Đối với nguồn lực cơ sở vật chất và hạ tầng kinh tế - xã hội:* Tập trung đầu tư phát triển hệ thống hạ tầng kinh tế - xã hội đồng bộ, hiện đại; khẩn trương hoàn thành các dự án, công trình trọng điểm, quan trọng kết nối vùng và các tỉnh lân cận; phối hợp với các chủ đầu tư, địa phương liên quan khẩn trương hoàn thành Dự án tuyến đường sắt Lào Cai - Hà Nội - Hải Phòng; đường dây 500kV Lào Cai - Vĩnh Yên, đoạn qua địa phận tỉnh Yên Bái.

Rà soát, đánh giá tổng thể hoạt động các khu, cụm công nghiệp, đề xuất cơ chế, chính sách phát triển cho giai đoạn tới, tạo động lực phát triển kinh tế - xã hội. Chỉ đạo Ban Chỉ đạo rà soát, kiểm tra, đánh giá tình hình triển khai thực hiện các dự án đầu tư trong các khu công nghiệp tỉnh Yên Bái (thành lập theo Quyết định số 1250-QĐ/TU ngày 10/12/2024 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy) tiếp tục rà soát, kiểm tra, đánh giá đầy đủ tình hình triển khai thực hiện dự án đầu tư của các nhà đầu tư trong các khu công nghiệp trên địa bàn tỉnh bảo

⁴ Hoàn thành việc đo đạc, lập bản đồ địa chính trên địa bàn cấp huyện. Hoàn thiện hệ thống thông tin đất đai, cơ sở dữ liệu đất đai và hệ thống hồ sơ địa chính được “số hóa” theo hướng hiện đại, tập trung, thống nhất, phục vụ đa mục tiêu, công khai, minh bạch, chuyển các hoạt động đăng ký, giao dịch trong lĩnh vực đất đai sang giao dịch điện tử.

⁵ nhất là sản xuất công nghiệp, khai thác, chế biến khoáng sản, nông, lâm sản; kiểm soát ô nhiễm môi trường, suy giảm đa dạng sinh học, duy trì cân bằng sinh thái theo hướng phát triển sản xuất xanh - tiêu dùng xanh; khuyến khích đầu tư công nghệ hiện đại để thu gom, xử lý chất thải, tái sử dụng, tái chế và sản xuất thu hồi năng lượng từ chất thải; đầu tư hệ thống xử lý nước thải tập trung tại các đô thị, khu, cụm công nghiệp, hệ thống lò đốt rác tập trung tại các huyện, thị xã, bảo đảm duy trì tốt chất lượng môi trường sống từ đô thị đến nông thôn, nhất là tại thành phố Yên Bái, thị xã Nghĩa Lộ và các khu đông dân cư

⁶ gồm: Vùng núi cao Mù Cang Chải (Yên Bái) và vùng núi cao Hoàng Liên Sơn (Yên Bái, Lào Cai, Lai Châu).

đảm theo quy định của pháp luật. Trên cơ sở kết quả rà soát, kiểm tra, đánh giá, tham mưu, đề xuất với Ban Thường vụ Tỉnh ủy và các cơ quan có thẩm quyền xem xét, chấn chỉnh, xử lý vi phạm (nếu có), bao gồm cả việc chấm dứt hoạt động, thu hồi chủ trương đầu tư theo đúng quy định của pháp luật về đầu tư và các quy định pháp luật có liên quan.

Huy động và sử dụng có hiệu quả mọi nguồn lực đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng đồng bộ, trọng điểm, từng bước hiện đại, có sức lan tỏa, kết nối phát triển vùng, tạo động lực thúc đẩy phát triển kinh tế, quản lý xã hội bền vững, chuyển đổi số, chuyển đổi xanh, thích ứng với biến đổi khí hậu, trọng tâm là hạ tầng giao thông đa phương thức, hạ tầng đô thị kết nối nông thôn, khu, cụm công nghiệp, hạ tầng công nghệ, thông tin, viễn thông. Đẩy mạnh các hình thức xã hội hóa đầu tư, huy động tối đa các nguồn vốn của các tổ chức, doanh nghiệp đầu tư hạ tầng khu, cụm công nghiệp, hạ tầng thương mại, dịch vụ, du lịch,...; thực hiện hiệu quả hình thức đầu tư theo phương thức đối tác công tư (PPP). Làm tốt công tác giải phóng mặt bằng, đẩy nhanh tiến độ thi công các dự án giao thông trọng điểm, trọng tâm là: Phối hợp các các ban, bộ, ngành triển khai các dự án đầu tư phát triển hạ tầng giao thông quốc gia trên địa bàn tỉnh⁷. Tiếp tục nghiên cứu, báo cáo Thủ tướng Chính phủ bổ sung quy hoạch và kêu gọi đầu tư khai thác lưỡng dụng sân bay Quân sự Yên Bái theo mô hình chuyên dùng. Sớm hoàn thành và đưa vào sử dụng các công trình trọng điểm của tỉnh đang thực hiện⁸; đồng thời tập trung nguồn lực đầu tư hạ tầng kinh tế - xã hội, trong đó ưu tiên các công trình, dự án trọng điểm⁹; hoàn thành kiên cố toàn bộ hệ thống đường giao thông nông thôn trên địa bàn toàn tỉnh trước năm 2030; tiếp tục nâng cấp hạ tầng điện, nước sạch, môi trường, thủy lợi phục vụ phát triển đô thị, nông thôn, khu, cụm công nghiệp. Tập trung đầu tư hạ tầng công nghệ thông tin, chuyển đổi số tiên tiến, hiện đại, an ninh, an toàn; phát triển hạ tầng số toàn diện với các dịch vụ băng thông rộng và các

⁷ như: Nâng cấp, mở rộng cao tốc Nội Bài - Lào Cai (CT.05); đầu tư mới tuyến nối đường cao tốc Hà Nội - Lào Cai với Hà Giang (CT.12); cao tốc Sơn La - Yên Bái; đầu tư xây dựng tuyến đường sắt Lào Cai - Hà Nội - Hải Phòng (đoạn qua địa phận tỉnh Yên Bái); đường dây 500kV Lào Cai - Vĩnh Yên (đoạn qua địa phận tỉnh Yên Bái); tuyến đường thủy nội địa trên sông Hồng đoạn qua tỉnh Yên Bái và trên hồ Thác Bà, đoạn từ đập Thác Bà đến Cẩm Nhân đạt tiêu chuẩn cấp III.

⁸ như: (1) Đường kết nối Mường La (Sơn La), Than Uyên, Tân Uyên (Lai Châu), Mù Cang Chải, Văn Chấn, Văn Yên (Yên Bái) với đường cao tốc Nội Bài - Lào Cai (IC15); (2) Xây dựng cơ sở hạ tầng giao thông liên vùng hỗ trợ phát triển kinh tế xã hội các huyện nghèo tỉnh Yên Bái; (3) Trụ sở Tỉnh ủy và các ban Đảng tỉnh; (4) Trung tâm Hội nghị tỉnh,...

⁹ như: Hoàn thành đưa điện tới 100% thôn, bản chưa có điện lưới quốc gia; Khu trung tâm hành chính thành phố Yên Bái bên hữu ngạn sông Hồng; Đô thị thông minh gắn với chính quyền điện tử (giai đoạn 2); các tuyến đường: Đường kết nối Hàm Yên (Tuyên Quang), Bắc Quang (Hà Giang), Lục Yên, Yên Bình, Văn Yên (Yên Bái) với đường cao tốc Nội Bài - Lào Cai (IC14); Khu liên hợp thể dục thể thao tỉnh Yên Bái; Trung tâm hội chợ triển lãm, trưng bày, giới thiệu sản phẩm và thông tin xúc tiến thương mại tỉnh Yên Bái,...

nền tảng IoT, AI, BigData, định danh số, thanh toán điện tử, an ninh mạng...; mở rộng vùng phủ sóng WLAN tại các khu vực công cộng, điểm du lịch, khu công nghiệp.

Rà soát, hoàn thiện, quản lý chặt chẽ quy hoạch đô thị gắn với quy hoạch nông thôn mới; thực hiện hiệu quả chương trình phát triển đô thị theo hướng đồng bộ cả về kinh tế, xã hội, kiến trúc cảnh quan, môi trường và chất lượng sống của người dân; đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng phù hợp với xu hướng phát triển đô thị thông minh, xanh, bản sắc, thích ứng với biến đổi khí hậu; gắn phát triển đô thị với xây dựng nông thôn mới; lấy đô thị là động lực dẫn dắt phát triển nông thôn, đẩy nhanh tiến trình đô thị hóa; tập trung nguồn lực đầu tư phát triển 02 đô thị trọng điểm, tiên phong, đi đầu trong ứng dụng khoa học, công nghệ, chuyển đổi số, đổi mới sáng tạo, trở thành động lực thúc đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa, hội nhập và phát triển; hoàn thành các chỉ tiêu đô thị hóa theo đúng kế hoạch, tiến độ đề ra.

Trách nhiệm thực hiện: Đảng ủy Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo Sở Xây dựng chủ trì, phối hợp Sở Tài chính, Sở Khoa học và Công nghệ, Sở Công Thương, Ban Quản lý các khu công nghiệp tỉnh và các huyện, thị, thành ủy triển khai thực hiện.

(3) Đối với nguồn tài lực

Đánh giá kỹ lưỡng thực trạng và khả năng tăng trưởng kinh tế để xây dựng dự toán thu ngân sách phù hợp, sát thực, khả thi, có tính phấn đấu cao theo hướng tăng tỷ trọng thu cân đối, thu xuất nhập khẩu, giảm tỷ trọng thu từ đất; quản lý và nuôi dưỡng, mở rộng nguồn thu bền vững, phù hợp với tăng trưởng kinh tế và khuyến khích phát triển sản xuất, kinh doanh; hoàn thiện cơ chế phân cấp nguồn thu, tỷ lệ phần trăm điều tiết các nguồn thu giữa các cấp ngân sách hợp lý, nâng cao trách nhiệm, chủ động, sáng tạo trong quản lý ngân sách.

Tiếp tục cơ cấu lại chi ngân sách nhà nước, tăng tích lũy từ ngân sách nhà nước cho chi đầu tư phát triển, tập trung vào các ngành, lĩnh vực ưu tiên, đột phá, nhất là hạ tầng giao thông, hạ tầng số; mở rộng hơn nữa cơ chế khoán chi, đặt hàng, đấu thầu trong giao dự toán, phân bổ ngân sách; đẩy nhanh tiến độ tự chủ trong các đơn vị sự nghiệp công gắn với khuyến khích xã hội hóa, huy động sự tham gia cung ứng dịch vụ công của các thành phần kinh tế.

Quản lý, sử dụng ngân sách minh bạch, công khai, tiết kiệm, hiệu quả, đúng quy định, phòng, chống tham nhũng, lãng phí; bảo đảm vai trò chủ đạo

của ngân sách nhà nước để thực hiện các nhiệm vụ phát triển kinh tế trọng điểm, chăm lo an sinh xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh. Tăng cường phân cấp, ủy quyền gắn với trách nhiệm giải trình, trách nhiệm người đứng đầu trong quản lý, sử dụng tài chính, tài sản công.

Quản lý chặt chẽ và khai thác hiệu quả hoạt động của các tổ chức tín dụng, hệ thống ngân hàng thương mại trên địa bàn theo hướng hiện đại, bảo đảm công bằng, minh bạch, đáp ứng đủ nguồn lực cho nhu cầu phát triển và sản xuất, đời sống nhân dân.

Tiếp tục chỉ đạo cải cách các thủ tục hành chính theo hướng đơn giản hóa, rút ngắn thời gian giải quyết các thủ tục hành chính, đặc biệt là các thủ tục liên quan đến đầu tư, thuế, xây dựng, giao đất, cho thuê đất; triển khai thực hiện các chính sách hỗ trợ, ưu đãi theo quy định của pháp luật về đầu tư, doanh nghiệp, đất đai, thuế,... để đẩy mạnh thu hút đầu tư và sử dụng hiệu quả nguồn vốn nước ngoài như ODA, FDI,..

Trách nhiệm thực hiện: Đảng ủy Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo Sở Tài chính chủ trì, phối hợp Sở Công Thương, Sở Xây dựng và các huyện, thị, thành ủy triển khai thực hiện.

3.4. Phát huy hiệu quả các nguồn lực mới, tạo đột phá cho phát triển

(1) Nguồn lực khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số

Khẩn trương thực hiện toàn diện, hiệu quả Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia và Kế hoạch số 219-KH/TU ngày 17/02/2025 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy triển khai thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW đã đề ra nhằm nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số. Xây dựng lộ trình đưa toàn bộ hoạt động của các cơ quan trong hệ thống chính trị của tỉnh lên môi trường số, bảo đảm liên thông, đồng bộ, bí mật nhà nước. Xây dựng, phát triển hệ thống giám sát, điều hành thông minh nhằm tăng cường quản lý công. Phát triển hạ tầng số theo cơ chế hợp tác công tư. Phát triển hạ tầng viễn thông, Internet đáp ứng yêu cầu dự phòng, kết nối, an toàn, bền vững, hệ thống truyền dẫn dữ liệu qua vệ tinh, mạng cáp quang băng thông rộng tốc độ cao.

Tập trung xây dựng cơ chế, chính sách để thu hút, sử dụng có hiệu quả mọi nguồn lực để đầu tư có tính đột phá cho ứng dụng, chuyển giao khoa học, công nghệ và đổi mới, sáng tạo, trọng tâm là ứng dụng, chuyển giao công nghệ

mới, kỹ thuật tiên bộ vào các ngành kinh tế mũi nhọn, động lực lan tỏa của tỉnh, nhất là lĩnh vực nông nghiệp, công nghiệp chế biến, chế tạo..., nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm, thúc đẩy môi trường kinh doanh mới, thích ứng với xu hướng phát triển mạnh mẽ của cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư, trí tuệ nhân tạo, kinh tế số, kinh tế xanh, bảo vệ môi trường, ứng phó với các thách thức từ thiên tai, dịch bệnh¹⁰.

Đầu tư nâng cấp quy mô, trang thiết bị gắn với thu hút, đào tạo nhân lực chất lượng cao cho Trung tâm Ứng dụng, kỹ thuật, thông tin khoa học và công nghệ tỉnh và các khu sản xuất, trạm nghiên cứu, thực nghiệm, chuyên gia, ứng dụng tiên bộ khoa học, công nghệ.

Đẩy mạnh xây dựng chính quyền số, tập trung số hóa toàn diện hoạt động quản lý nhà nước, cung cấp dịch vụ công trực tuyến mức độ cao; kết nối đồng bộ các cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, đất đai, doanh nghiệp, tạo nền tảng tinh gọn bộ máy, cải cách thủ tục hành chính. Phát triển kinh tế số, thúc đẩy ứng dụng công nghệ số trong mọi ngành, lĩnh vực, tạo ra các mô hình kinh doanh mới tạo động lực cho tăng trưởng. Phát triển công dân số, trang bị kiến thức, kỹ năng cần thiết để người dân tham gia hiệu quả vào nền kinh tế số và xã hội số; phấn đấu đưa tỷ trọng đóng góp của kinh tế số chiếm khoảng 20% GRDP vào năm 2030.

Trách nhiệm thực hiện: Đảng ủy Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo Sở Khoa học và Công nghệ chủ trì, phối hợp Sở Giáo dục và Đào tạo và các huyện, thị, thành ủy triển khai thực hiện.

(2) Nguồn lực văn hóa, lịch sử, truyền thống, cảnh quan thiên nhiên

Tăng cường bảo tồn và phát huy các giá trị bản sắc văn hóa dân tộc; khích lệ sáng tạo các giá trị văn hóa mới, góp phần giảm sự chênh lệch về hưởng thụ văn hóa giữa các vùng miền, các dân tộc. Bảo tồn và phát huy giá trị các di sản, văn hóa vật thể, phi vật thể gắn với phát triển du lịch nhằm tận dụng tài nguyên văn hóa để phát triển và nâng cao sức cạnh tranh của nền kinh tế; đồng thời góp phần bồi đắp, phát triển hệ giá trị văn hóa ngày càng phong phú, thực sự trở thành sức mạnh mềm cho sự nghiệp phát triển của quê hương, đất nước. Có giải pháp mạnh mẽ ngăn chặn hiệu quả sự xuống cấp về đạo đức, lối sống; đẩy lùi sự suy thoái về tư tưởng và các tệ nạn xã hội; xây dựng môi trường sống văn hóa, bình yên, hạnh phúc cho nhân dân.

¹⁰ phấn đấu đến năm 2030 thu hút, hình thành từ 15-20 doanh nghiệp khoa học - công nghệ, doanh nghiệp khởi nghiệp, sáng tạo và doanh nghiệp có hoạt động đổi mới, sáng tạo

Coi trọng chất lượng, hiệu quả phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa”, gắn với phong trào xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh; triển khai cuộc vận động “Xây dựng gia đình hạnh phúc”, là hạt nhân nuôi dưỡng cuộc sống hạnh phúc cho mỗi người; phát huy những giá trị nhân văn, sống đẹp, sống có ích và tinh thần tương thân, tương ái trong xã hội; chú trọng xây dựng môi trường văn hóa công sở trong sạch, dân chủ, đoàn kết,...

Đầu tư cơ sở vật chất, nâng cấp công trình văn hóa, thể thao đáp ứng nhu cầu sinh hoạt văn hóa, giải trí cho nhân dân. Xây dựng các trung tâm văn hóa, nhà văn hóa, trung tâm hoạt động thanh thiếu nhi cấp tỉnh, nâng cấp cơ sở vật chất Bảo tàng tỉnh. Đề cao nguyên tắc bảo vệ và phát huy giá trị văn hóa truyền thống, cảnh quan thiên nhiên, bản sắc kiến trúc truyền thống của các dân tộc.

Tiếp tục phát triển các hình thức, các loại hình kinh doanh thương mại phù hợp với từng vùng, địa phương và nhu cầu xã hội; khuyến khích mở rộng hệ thống cửa hàng tiện lợi, trung tâm mua sắm, siêu thị, phát triển thương mại điện tử, mua sắm trực tuyến tại các đô thị, rà soát, sắp xếp lại gắn với chuyển đổi mô hình hoạt động phù hợp (chợ đầu mối, chợ nông sản, chợ 4.0...) hệ thống chợ dân sinh truyền thống bảo đảm tiêu chuẩn, quy chuẩn gắn với xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh và phục vụ du lịch. Tận dụng, phát huy lợi thế trong mối liên kết vùng, liên vùng và đối tác hợp tác trong các hành lang kinh tế của vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ¹¹ để thu hút, phát triển mạnh các ngành dịch vụ hiện đại, giá trị gia tăng cao, như: vận tải, logistics, kho vận...; tham gia phát triển vành đai hỗ trợ trung chuyển hàng hóa liên kết các trung tâm chế biến của vùng với thị trường quốc tế, các sân bay, cảng biển lớn; phấn đấu đưa Yên Bái trở thành một trong các trung tâm Logistics của vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ. Tiếp tục nâng cao hiệu quả công tác xúc tiến thương mại, mở rộng, đa dạng hóa thị trường tiêu thụ trong nước và xuất khẩu bền vững các sản phẩm hàng hóa lợi thế, khai thác hiệu quả cơ hội tiếp cận và mở rộng thị trường từ các Hiệp định thương mại tự do giữa Việt Nam các nước; kết nối sâu rộng với thị trường Trung Quốc, Hàn Quốc, Nhật Bản, ASEAN; nghiên cứu liên kết xuất khẩu các sản phẩm thế mạnh tương đồng (lâm nghiệp, thủy sản nước ngọt, quế, măng tre...) với các địa phương có thị trường ổn định¹².

Ban hành và tập trung thực hiện quyết liệt Chiến lược phát triển ngành

¹¹ Lào Cai - Hà Nội - Hải Phòng, Phú Thọ - Vĩnh Phúc - Hà Nội - Hưng Yên - Hải Dương - Hải Phòng, Hà Nội - Phú Thọ - Tuyên Quang - Bắc Kạn - Cao Bằng.

¹² Phấn đấu đến năm 2030, tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng đạt khoảng 61.650 tỷ đồng, giá trị xuất khẩu hàng hóa đạt trên 1.200 triệu USD

du lịch Yên Bái đồng bộ, chuyên nghiệp, độc đáo gắn với hình ảnh chủ đạo “Yên Bái - nơi hội tụ sắc màu Tây Bắc” với các dòng sản phẩm chủ đạo: Du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng hài hòa với thiên nhiên; du lịch khám phá, trải nghiệm; du lịch văn hóa cộng đồng, lễ hội truyền thống; du lịch lịch sử, văn hóa, tâm linh; du lịch canh nông; du lịch thể thao, vui chơi, giải trí, mua sắm; du lịch kết hợp hội nghị, hội thảo, triển lãm, tổ chức sự kiện... mang đậm bản sắc văn hóa dân tộc ở 04 vùng du lịch trọng điểm của tỉnh, gắn với đẩy mạnh liên kết phát triển du lịch với các tỉnh trong vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ, với các vùng du lịch trong cả nước theo định hướng sản phẩm du lịch “con đường di sản Tây Bắc”; tiếp tục xây dựng và thực hiện hiệu quả chính sách thu hút đầu tư hạ tầng du lịch đồng bộ, phù hợp, hỗ trợ đào tạo nguồn nhân lực đáp ứng yêu cầu phát triển; khuyến khích xã hội hóa trong bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích, thắng cảnh, phục dựng các lễ hội, sinh hoạt văn hóa dân gian, các làng nghề; đẩy nhanh tiến độ hoàn thành các dự án du lịch đã được cấp chủ trương đầu tư, tập trung thu hút mạnh các dự án đầu tư phát triển du lịch xanh, khác biệt, hiện đại, phù hợp với định hướng và lợi thế; ưu tiên phát triển nhanh một số sân golf theo quy hoạch để sớm hình thành, khai thác các sản phẩm du lịch tiêu biểu, nổi trội¹³. Xây dựng mối quan hệ hợp tác du lịch quốc tế với các tỉnh kết nghĩa, các quốc gia, các khu vực, các vùng lãnh thổ¹⁴.

Trách nhiệm thực hiện: Đảng ủy Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch chủ trì, phối hợp Sở Công Thương, Sở Giáo dục và Đào tạo, Sở Dân tộc và Tôn giáo và các huyện, thị, thành ủy triển khai thực hiện.

(3) Nguồn lực thương hiệu quốc gia, doanh nghiệp và sản phẩm quốc gia

Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, nâng cao nhận thức của doanh nghiệp, hợp tác xã và người dân về Chương trình OCOP; kiện toàn củng cố bộ máy chỉ đạo, điều hành chương trình, rà soát bố trí cán bộ có năng lực, tâm huyết phụ trách tham mưu giúp việc Chương trình OCOP từ tỉnh đến cơ sở; nghiên cứu xây dựng, vận dụng cơ chế chính sách cho Chương trình; đẩy mạnh ứng dụng thành tựu cuộc cách mạng công nghiệp 4.0, chuyển đổi số để tăng cường truyền thông quảng bá cho Chương trình OCOP tạo hiệu ứng lan tỏa.

¹³ Đưa hồ Thác Bà và Mù Cang Chải từng bước trở thành khu du lịch quốc gia, Suối Giàng (huyện Văn Chấn), Trạm Tấu, Văn Yên, Yên Bái (huyện Trấn Yên), khu văn hóa Nghĩa Lộ trở thành khu du lịch cấp tỉnh. Phấn đấu đến năm 2030, Yên Bái trở thành một trong những điểm đến hấp dẫn, thân thiện, an toàn hàng đầu của khu vực Tây Bắc với thương hiệu “điểm đến an toàn, thân thiện, bản sắc, hấp dẫn, ấn tượng”, đón 2.500.000 triệu lượt khách du lịch, với doanh thu đạt 4.300 tỷ đồng, chiếm khoảng 12,8% tổng giá trị sản xuất khu vực dịch vụ.

¹⁴ như: tỉnh Val de Marne, thành phố Chevilly Larue (Cộng hòa Pháp); tỉnh Viêng Chăn, Xay Nhạ Bu Ly (Lào); tỉnh Vân Nam (Trung Quốc); thành phố Mimasaki, tỉnh Okayama (Nhật Bản); Hàn Quốc, Asean,...

Trách nhiệm thực hiện: Đảng ủy Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo Sở Công Thương chủ trì, phối hợp Sở Nông nghiệp và Môi trường, Sở khoa học và Công nghệ và các huyện, thị, thành ủy triển khai thực hiện.

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Căn cứ kế hoạch này, các huyện, thị, thành ủy, đảng ủy trực thuộc Tỉnh ủy, các sở, ban, ngành, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội tỉnh đánh giá đầy đủ các nguồn nhân lực truyền thống và các nguồn lực mới của tỉnh, từng ngành, địa phương; làm rõ thực trạng quản lý, khai thác, sử dụng và phát huy hiệu quả các nguồn lực. Trên cơ sở đó, cụ thể hóa các mục tiêu, nhiệm vụ, đề xuất các giải pháp triển khai thực hiện nhằm quản lý khai thác, phân bổ và sử dụng có hiệu quả các nguồn lực chung của tỉnh và của địa phương. Kịp thời điều chỉnh các chương trình, kế hoạch, giải pháp cụ thể phù hợp với yêu cầu thực tế, bảo đảm thực hiện có hiệu quả kế hoạch này. Định kỳ 05 năm rà soát, cập nhật về thực trạng quản lý, khai thác sử dụng và phát huy các nguồn lực của nền kinh tế.

2. Đảng ủy Ủy ban nhân dân tỉnh chủ trì, phối hợp với các cơ quan có liên quan thường xuyên kiểm tra, đôn đốc việc thực hiện Nghị quyết, Kết luận của Trung ương và các Kế hoạch của Ban Thường vụ Tỉnh ủy; sơ kết, tổng kết, định kỳ báo cáo Ban Thường vụ Tỉnh ủy kết quả thực hiện Nghị quyết của Bộ Chính trị và các kế hoạch của Ban Thường vụ Tỉnh ủy.

Chỉ đạo theo dõi, hướng dẫn, kiểm tra, giám sát, đôn đốc việc triển khai thực hiện Kết luận số 115-KL/TW và Kế hoạch này, định kỳ báo cáo kết quả thực hiện với Ban Thường vụ Tỉnh ủy theo quy định.

3. Ban Tuyên giáo và Dân vận Tỉnh ủy chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan hướng dẫn các cấp ủy, tổ chức đảng tổ chức học tập, quán triệt về quản lý, khai thác sử dụng và phát huy các nguồn lực của nền kinh tế theo tinh thần Nghị quyết, Kết luận và kế hoạch của Ban Thường vụ Tỉnh ủy.

Chỉ đạo cơ quan thông tin, truyền thông thực hiện có hiệu quả công tác tuyên truyền, phổ biến nội dung của Kết luận số 115-KL/TW của Bộ Chính trị và Kế hoạch này của Ban Thường vụ Tỉnh ủy.

4. Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh, các tổ chức chính trị - xã hội của tỉnh tiếp tục tổ chức tuyên truyền, vận động đoàn viên, hội viên và nhân dân thực hiện tốt chính sách, pháp luật về quản lý, khai thác, sử dụng và phát huy các nguồn lực của nền kinh tế; giám sát các cơ quan liên quan trong

quá trình thực hiện Nghị quyết, Kết luận của Trung ương và các Kế hoạch của Ban Thường vụ Tỉnh ủy; trong đó chú trọng đến việc phát huy vai trò của những tổ chức, cá nhân có uy tín trong cộng đồng dân cư để vận động, thu hút người dân tham gia phát triển kinh tế - xã hội.

Đổi mới công tác quản lý và phương thức hoạt động của các tổ chức đoàn thể, xã hội, nghề nghiệp... trong phát triển nguồn nhân lực. Phát triển mạnh hệ thống thông tin đại chúng, mở rộng cơ hội và tăng cường năng lực cho người dân tiếp cận thông tin, thụ hưởng các dịch vụ văn hóa, vui chơi, giải trí, có cuộc sống tinh thần lành mạnh nhằm nhanh chóng tái tạo, phát triển năng lực làm việc và khả năng sáng tạo của mỗi người.

5. Các đồng chí Ủy viên Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh, thủ trưởng các ban, sở, ngành, đoàn thể, bí thư các huyện, thị, thành ủy, đảng ủy trực thuộc phổ biến, quán triệt các nội dung của Kế hoạch này của Ban Thường vụ Tỉnh ủy trong cấp ủy, tổ chức đảng, cơ quan, đơn vị và trực tiếp chỉ đạo thực hiện các nội dung theo chức trách, nhiệm vụ được giao, định kỳ báo cáo kết quả thực hiện với Ban Thường vụ Tỉnh ủy.

Nơi nhận:

- Bộ Chính trị, Ban Bí thư (để báo cáo),
- Ban Chính sách, Chiến lược Trung ương,
- Các huyện, thị, thành ủy, đảng ủy trực thuộc,
- Các sở, ban, ngành, MTTQ, đoàn thể tỉnh,
- Các đ/c Ủy viên BCH Đảng bộ tỉnh,
- Lãnh đạo Văn phòng Tỉnh ủy,
- Chuyên viên P.TH - VPTU,
- Lưu Văn phòng Tỉnh ủy.

**T/M BAN THƯỜNG VỤ
PHÓ BÍ THƯ THƯỜNG TRỰC**

Tạ Văn Long